

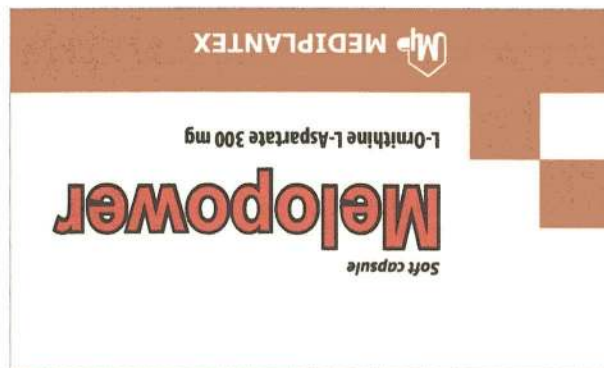
Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 201



ĐIỀU TÔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Mc Duân Sim



Hộp 6 vỉ, Vỉ 10 viên



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
Lần đầu: 15/11/2011

12 vỉ x 12 viên

L-Ornithine L-Aspartate 300 mg

Melopower

Soft capsule

Soft capsule

Melopower

L-Ornithine L-Aspartate 300 mg

BOX OF 12 BLISTERS X 5 SOFT CAPSULES

WHO GMP

Soft capsule

Melopower

Compositions: Each soft capsule contains
L - Ornithine L - Aspartate.....300 mg
Excipients.....q.s.f 1 soft capsule

Indication, contra-indication,
administration, dosage and other
information: See the leaflet enclosed

Storage: Stored in a dry place, protected from
light, below 30°C

Specification: Manufacturer's
SDK/ Reg.No:.....

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY DIRECTION BEFORE USE**

Số lô SX/ Lot.No:
Ngày SX/ Mfd:
HD/ Exp:

Mp MEDIPLANTEX

8 935041 001117

Viên nang mềm

Melopower

L-Ornithin L-Aspartat 300 mg

HỘP 12 VỈ X 5 VIÊN NANG MỀM

WHO GMP

Viên nang mềm

Melopower

Thành phần: Mỗi viên chứa
L - Ornithin L - Aspartat.....300 mg
Tá dược.....vừa đủ 1 viên nang mềm

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng,
cách dùng và các thông tin khác:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS
Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ
dưới 30°C

**ĐỂ THUỐC XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC
KHI DÙNG**

CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
358 đường Giải Phóng, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
SX tại NMDP số 2, Trung Hậu, Tiến Phong, Mê Linh, Hà Nội

Mp MEDIPLANTEX

8 935041 001117



Hà Nội, ngày 07 tháng 1 năm 2017



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Hà Luân Sơn

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VIÊN NANG MỀM MELOPOWER

Thành phần: Mỗi viên có chứa

Dược chất: L- Ornithin L- Aspartat 300mg

Tá dược: sáp ong trắng, dầu cọ, lecithin, Butylated hydroxytoluen, methylparaben, propylparaben, dầu đậu nành, gelatin, glycerin, dung dịch sorbitol 70%, Tartrazin, erythrosin, brilliant blue, titan dioxyd, nước RO vừa đủ 1 viên.

Dạng bào chế: Viên nang mềm.

Dược lực học:

Trong cơ thể, L-ornithin L-aspartat thông qua hoạt động của hai amino acid ornithin và aspartat để loại bỏ amoniac thông qua hai phản ứng chính - tổng hợp urê và tổng hợp glutamin.

Tổng hợp urê diễn ra trong ty thể tế bào gan. Trong các tế bào này ornithin có một vai trò kép: chất hoạt hóa các enzym (ornithin carbamoyl transferase và carbamoyl-synthase phosphat) và là một thành phần trong quá trình tổng hợp urê.

Tổng hợp glutamin xảy ra trong ty thể tế bào gan. Đặc biệt trong điều kiện bệnh lý, aspartat và các dicarboxylat khác, bao gồm cả sản phẩm trao đổi chất của ornithin, được hấp thụ vào tế bào và gắn amoniac trong các dạng của glutamin.

Glutamine là một acid amin liên kết với amoniac trong điều kiện sinh lý và bệnh lý, đảm bảo việc loại bỏ amoniac ở dạng không độc hại, và là một yếu tố hoạt hóa quan trọng trong chu trình urê (trao đổi glutamine ở ngoại bào). Trong điều kiện sinh lý, ornithin và aspartat không hạn chế sự tổng hợp urê.

Các nghiên cứu trên động vật thí nghiệm chỉ ra rằng L-ornithin L-aspartat làm giảm hiệu lực của amoniac do tăng tổng hợp glutamin, trường hợp riêng cho thấy có sự tăng tỷ lệ phân nhánh chuỗi amino acid amin thơm

Dược động học:

- L-ornithin L-aspartat là một phức hợp muối kép, khác với thuốc chỉ có chứa L-ornithin thông thường, khi vào cơ thể hợp chất này phân ly thành hai acid amin là L-ornithin và L-aspartat. Cả hai chất này được hấp thu tốt qua đường tiêu hóa

Chỉ định:

- Hỗ trợ điều trị chứng tăng amoniac huyết trong bệnh gan cấp và mạn tính như bệnh não gan, xơ gan.

Liều lượng và cách dùng:

Người lớn: 3-4 viên/lần x 3 lần/ngày.

Trong trường hợp bệnh nhân bị bệnh não gan thì liều có thể tăng lên 10 viên/lần x 3 lần/ngày.

Có thể phân tán dịch thuốc vào trong nước, nước trái cây hoặc trà để uống.

Chống chỉ định:

- Người mẫn cảm với bất kỳ thành phần của thuốc.
- Người suy thận nặng.

Thận trọng:

- Dùng liều cao L-Ornithin L- Aspartat cần theo dõi nồng độ ure trong nước tiểu và huyết thanh.
- Thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú.

Tác dụng không mong muốn:

- Thuốc sử dụng an toàn, tác dụng không mong muốn ít khi xảy ra, có thể gây buồn nôn, nôn.

Chú ý: Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

Thời kỳ có thai: không nên dùng

Chưa có nghiên cứu tác dụng của thuốc trên phụ nữ có thai. Chỉ sử dụng thuốc khi chứng minh được lợi ích của thuốc cao hơn tác hại của thuốc khi sử dụng.

Người cho con bú: Không nên dùng

Chưa biết thuốc có vào sữa mẹ hay không. Nên sử dụng thận trọng theo hướng dẫn của bác sĩ.

Tương tác thuốc:

- Thuốc là acid amin, chưa phát hiện trường hợp nào có tương tác với các thuốc khác.

Người lái xe và vận hành máy móc: Được dùng

Quá liều và xử trí:

Không có dấu hiệu của ngộ độc sau khi uống quá liều L-ornithin-L-aspartat. Khi uống quá liều chỉ cần điều trị triệu chứng

Qui cách đóng gói:

Hộp 06 vi x 10 viên, Hộp 12 vi x 5 viên/vi.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến của thầy thuốc

CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPLANTEX

358 Giải Phóng - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội

Điện thoại : 04 36686111 Fax : 04 38641584

Sản xuất tại: Trung Hậu - Tiên Phong- Mê Linh - Hà Nội



TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Minh Hùng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Hà Xuân Sơn